TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2017/HC-PT
Ngày: 15-11-2017
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 131/2017/TLPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2017; về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HCST ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 393/2017/QĐPT-HC ngày 10 tháng 7 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Phạm Thị G; địa chỉ cư trú: ấp Tr2 1, xã L1, huyện Ph, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị G: Ông Nguyễn Văn L; địa chỉ cư trú: đường V1, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2016 – có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Trần Minh Tr, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV M thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1/ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; trụ sở: Khu hành chính đường Tr3, Phường X, thành phố V2, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn T; chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang; địa chỉ cư trú: đường C, phường A1, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2/ Ủy ban nhân dân huyện Ph, tỉnh Hậu Giang; trụ sở: ấp M1, thị trấn C1, huyện Ph, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Ph: Ông Huỳnh Văn V; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Ph (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang; trụ sở: đường V1, Phường X, thành phố V2, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang: Ông Hà Bữu Tr1; chức vụ: Cán bộ kỹ thuật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Phạm Thị G có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn L trình bày:

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang:

Hủy một phần Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của UBND huyện Ph về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng quốc lộ 61 đoạn C - Ph, xã L1, huyện Ph, tỉnh Hậu Giang phần liên quan đến hộ bà Phạm Thị G; Hủy Quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014; Hủy Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện Ph về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường; Hủy Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Ph; Hủy Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang.

Yêu cầu hoán đổi phần đất có vị trí tương đương với phần đất đã thu hồi của bà G, nếu tiến hành bồi thường bằng tiền thì yêu cầu UBND phải bồi thường tiền đất đúng với chứng thư thẩm định giá thị trường là 5.012.717.000 đồng và bồi thường tiền san lấp mặt bằng là 1.071.540.000 đồng; yêu cầu bố trí tái định cư và yêu cầu hỗ trợ sản xuất kinh doanh.

Quá trình giải quyết vụ án, bà G khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Ph về việc thu hồi đất; hủy Quyết định 2099/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 của UBND huyện Ph về việc điều chỉnh Quyết định 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND huyện Ph và hủy Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND huyện Ph về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà G.

Những căn cứ bà G yêu cầu hủy các quyết định của UBND huyện Ph và Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang do có vi phạm về trình tự ban hành các quyết định cụ thể:

1/ Vi phạm về thời gian niêm yết lấy ý kiến về quyết định phê duyệt phương án bồi thường theo quy định tại Điều 30 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/9/2009 quy định về việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

2/ Vi phạm thời gian thông báo thu hồi đất đến khi ra quyết định thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật đất đai năm 2003.

Do không thực hiện đúng trình tự thủ tục về thông báo thu hồi đất và lập phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư nên khi thu hồi đất diễn ra trước ngày 01/7/2014 tức Luật đất đai năm 2003 còn hiệu lực, nếu tiến hành theo trình tự quy định của pháp luật thì quyết định thu hồi đất diễn ra sau ngày 01/7/2014 tức Luật đất đai năm 2013 đã có hiệu lực thi hành.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T trình bày:

Qua xem xét khiếu nại của bà Phạm Thị G, UBND tỉnh Hậu Giang xét thấy bà G có 05 yêu cầu:

1/ Nâng giá bồi thường đất theo giá đã thẩm định là 5.012.717.000 đồng, đối với yêu cầu này xét thấy bà G bị thu hồi 7.601,3m^2, trong đó có 1.585,1m^2 đất trồng cây lâu năm, 5.953m^2 đất trồng lúa và 63,2m^2 đất ở nông thôn, căn cứ theo Quyết định số 3677a và Quyết định số 6669 thì hộ bà G được bồi thường về đất là 1.213.010.000 đồng, việc áp giá đất để bồi thường căn cứ vào Điều 8 Quyết định số 14 ngày 21/6/2010 và điểm b khoản 4; điểm a khoản 13 Điều 1 Quyết định số 08 ngày 22/12/2011 của UBND tỉnh Hậu Giang, do vậy yêu cầu nâng giá đất của bà G là không có căn cứ chấp nhận.

2/ Đối với yêu cầu hoán đổi đất vị trí tương đương: Quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 14 của UBND tỉnh Hậu Giang quy định Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng nếu không có đất để bồi thường thì bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất. Do điều kiện thực tế quỹ đất ở địa phương không có nên phương án là bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất.

3/ Yêu cầu tái định cư: Bà G bị thu hồi có 63,2m^2 đất ở, trên đất không có nhà ở, không phải di chuyển chỗ ở. Căn cứ Điều 32 Quyết định số 14 thì yêu cầu của bà G không đủ điều kiện xem xét giải quyết.

4/ Yêu cầu hỗ trợ sản xuất kinh doanh: Tại thời điểm thực hiện dự án bà G không có đăng ký kinh doanh, không có cơ sở sản xuất kinh doanh trên phần đất bị thu hồi nên không đủ điều kiện để hỗ trợ sản xuất kinh doanh theo Điều 27 Quyết định số 14 của UBND tỉnh Hậu Giang.

5/ Yêu cầu hỗ trợ san lấp cát số tiền 1.071.540.000 đồng thực tế bà G có san lấp mặt bằng trước khi nhà nước thu hồi đất: theo hợp đồng ngày 01/11/2012 giữa bà G với chủ vật liệu xây dựng Th giá trị hợp đồng là 600.000.000 đồng. UBND tỉnh cũng đã thống nhất chủ trương hỗ trợ tiền san lấp cát cho bà G tại thông báo kết luận số 248 số tiền là 665.649.578 đồng. Việc bà G yêu cầu hỗ trợ 1.071.540.000 đồng là không có cơ sở giải quyết.

Đối với trình tự thủ tục ban hành các quyết định pháp luật hiện hành chỉ quy định về thời gian tối đa không quy định thời gian tối thiểu và cũng không có quy định nào cấm về các mốc thời gian, thực hiện theo thông báo số 450/TB-VPCP ngày 13/12/2013 thì thời gian hoàn thành công trình mở rộng quốc lộ 1 vào cuối năm 2013, muốn đẩy nhanh tiến độ thi công thì cần phải giải quyết tái định cư cho những hộ dân bị ảnh hưởng, do yêu cầu cấp thiết nên đa số các hộ dân đều đồng tình.

Người bị kiện UBND huyện Ph có người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Văn V trình bày:

Thống nhất trình bày của đại diện Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và không bổ sung ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang, chi nhánh huyện Ph, đại diện theo ủy quyền ông Hà Bữu Tr1 trình bày:

Thống nhất trình bày của đại diện Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang. Về trình tự, thủ tục thực hiện các trình tự, thủ tục kiểm kê và các chính sách bồi thường Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện đúng quy định.

Tại phiên tòa đại diện người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những căn cứ pháp lý đã nêu, các bên không thỏa thuận gì thêm.

Luật sư Trần Minh Tr tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng có gửi bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G lý do Ủy ban vi phạm trình tự thủ tục ban hành các quyết định cụ thể:

Quyết định số 3643a ngày 20/6/2014 và Quyết định 2099 ngày 01/4/2015 vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật đất đai 2003.

Quyết định 3677a ngày 25/6/2014 về phê duyệt phương án bồi thường và biên bản niêm yết công khai và lấy ý kiến về phương án bồi thường ngày 20/6/2014 là vi phạm Điều 30 Nghị định 69 ngày 13/9/2009 của Chính phủ.

Quyết định số 7475 ngày 24/12/2015 Ủy ban cho rằng ban hành dựa vào ý kiến của Chính phủ và Bộ giao thông vận tải, xét thấy các văn bản trên chỉ là thông báo, công văn không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Ph, ông Huỳnh Văn V cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính của bà Phạm Thị G đối với quyết Qịnh thu hồi đất số 3643a ngày 20/6/2014 là không còn, thừa nhận

có rút ngắn thời gian thu hồi đất là do tính cấp thiết và là công trình trọng điểm quốc gia phải đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất và được sự đồng thuận của người dân trên tuyến đường bị thu hồi, ngoài ra 05 yêu cầu của bà G gồm nâng giá bồi thường đất, hỗ trợ tái định cư, hoán đổi vị trí đất tương đương, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, hỗ trợ san lấp cát, ủy ban đã xem xét và không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà G.

Đại diện theo ủy quyền của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang, Chi nhánh huyện Ph tại phiên tòa không có ý kiến hay yêu cầu gì khác, thống nhất với ý kiến trình bày của Ủy ban nhân dân huyện Ph tại phiên tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2016/HCST ngày 09/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử:

Áp dụng Điều 30, 31, 32, Điều 115; 157, 158; 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 39 Luật đất đai 2003;

Áp dụng Điều 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 07/12/2004 của Chính phủ;

Áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 30; Điều 40 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

Áp dụng Điều 63, Điều 64 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G hủy một phần Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của UBND huyện Ph về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng quốc lộ 1 đoạn C - Ph, và một phần Quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND huyện Ph về phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng quốc lộ 1 đoạn C - Ph, xã L1, huyện Ph, tỉnh Hậu Giang phần liên quan đến hộ bà Phạm Thị G.

Hủy Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện Ph về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hủy Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Ph; hủy Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang; hủy Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND huyện Ph về việc thu hồi đất; hủy Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 của UBND huyện Ph về việc điều chỉnh quyết định 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND huyện Ph và hủy Quyết định số

2227/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND huyện Ph về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà G.

Chưa xem xét các yêu cầu nâng giá đất, hỗ trợ tái định cư, san lấp cát, hỗ trợ sản xuất kinh doanh của bà G, để giải quyết sau khi Ủy ban ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường và thu hồi đất theo trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai năm 2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ phải chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/3/2017, UBND huyện Ph, tỉnh Hậu Giang nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G.

Ngày 23/3/2017, Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. UBND tỉnh Hậu Giang cho rằng Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 14/7/2015, về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị G là phù hợp và đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lý do ông L và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà G đưa ra là:

1/ Theo các Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 và số 716/QĐ-UBND ngày 22/5/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt kế quy hoạch sử dụng đất thì khu định cư mở rộng quốc lộ 1 vẫn còn trống nên không cần thiết phải mở thêm, để phải thu hồi đất của bà G.

2/ Việc ban hành các quyết định hành chính của UBND huyện Ph và Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang có nhiều vi phạm nghiêm trọng. Cụ thể:

- Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 của UBND huyện Ph về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 có vi phạm về trình tự, thủ tục, thời gian niêm yết theo luật định; vi phạm khoản 2 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003;

- Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của UBND huyện Ph, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không đúng trình tự, thủ tục luật định; vi phạm Điều 30 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/9/2009 của Chính phủ. Cụ thể:

+ Ngày 11/6/2016, UBND huyện Ph ban hành Quyết định số 3543/QĐ-UBND, về việc thành lập hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

+ Ngày 13/6/2014, Hội đồng thẩm định bồi thường, hỗ trợ tái định cư ban hành Công văn số 40b/HĐBT, về việc nội dung phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

+ Ngày 20/6/2014, tổ chức niêm yết công khai, lấy ý kiến về phương án bồi thường;

+ Ngày 25/6/2014 thì ban hành Quyết định số 3677a/QĐ-UBND.

- Quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND huyện Ph, về việc phê duyệt bổ sung về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không đúng và trái với quy định của pháp luật. Cụ thể: Cùng thời điểm lúc 13 giờ ngày 20/11/2014, vừa tiến hành niêm yết, lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; vừa tiến hành phổ biến, niêm yết và trao Quyết định số 6669/QĐ-UBND;

- Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND huyện Ph, về việc phê duyệt điều chỉnh một phần Quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014, không có căn cứ pháp luật, chỉ dựa trên kết luận của UBND tỉnh Hậu Giang và không được tống đạt hợp lệ cho bà Phạm Thị G;

3/ Việc người bị kiện đưa ra ý kiến, đây là công trình trọng điểm quốc gia, có các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải... nên có rút gọn về thời gian là không có căn cứ. Vì các văn bản mà người bị kiện đưa ra không phải là văn bản quy phạm pháp luật và Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/9/2009 của Chính phủ không chỉ ra trường hợp ngoại lệ;

4/ Việc áp giá bồi thường cho bà G theo Luật Đất đai năm 2003 là không đúng. Vì do UBND huyện vi phạm về thời hạn nên đúng ra phải áp dụng Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, tại Điều 11 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/9/2009 của Chính phủ cũng quy định, trường hợp giá đất mà UBND tỉnh đưa ra chưa phù hợp với giá cả thị trường thì cần phải điều chỉnh;

5/ Bà G nhận chuyển nhượng phần đất này từ Công ty TNHH Việt Chín với giá 3.067.500.000 đồng, theo chứng thư định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá Cửu Long thì phần đất này có giá trị 5.012.767.000 đồng. Do đó, việc áp giá bồi thường của Nhà nước là chưa phù hợp.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau:

Bản án sơ thẩm cho rằng UBND huyện Ph có sai sót, vi phạm về trình tự thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003 và vi phạm về thời gian lấy ý kiến về phương án bồi thường của Trung tâm phát

triển quỹ đất huyện Ph. Nếu thực hiện đúng thì phải áp dụng Luật Đất đai năm 2013 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2014) là không chính xác. Bởi các lý do sau đây:

1/ Dự án mở rộng quốc lộ 1 là công trình trọng điểm quốc gia có sự quan tâm chỉ đạo từ BCHTW Đảng, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, giao UBND tỉnh Hậu Giang đẩy nhanh tiến độ giải phóng, giao mặt bằng vào ngày 30/4/2014. Theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003 thì Nhà nước phải thực hiện dự án tái định cư trước khi thu hồi đất để giao đất cho người dân bị thu hồi. Nhưng do tại thời điểm đó, các khu tái định cư của địa phương chưa đáp ứng đủ lô nền cho các hộ bị giải tỏa bởi dự án quốc lộ 1. Theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ tại Thông báo số 450/TB-VPCP ngày 13/12/2013 và của Bộ Giao thông Vận tải tại Thông báo số 247/TB-BGTVT ngày 19/3/2014, UBND tỉnh chủ trương xây dựng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng quốc lộ 1. Do đó, UBND huyện Ph ban hành quyết định thu hồi đất của bà G là đúng quy định tại khoản 1 Điều 38 và Điều 39 Luật Đất đai năm 2003. Tuy nhiên, thời gian ban hành quyết định thu hồi đất có sớm hơn quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đất đai năm 2003;

2/ UBND tỉnh Hậu Giang chỉ thực hiện theo các văn bản của cấp trên như: Thông báo số 450/TB-VPCP ngày 13/12/2013, Thông báo số 115/TB-VPCP ngày 21/3/2014, Công văn số 4433/VPCP ngày 16/6/2014 của Văn phòng Chính phủ; và Thông báo số 247/TB-BGTVT ngày 19/3/2014 của Bộ Giao thông Vận tải;

3/ Mặt khác, ngoài chính sách bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật, UBND tỉnh cũng đã thống nhất hỗ trợ 665.649.578 đồng tiền san lấp cát cho hộ bà G, mặc dù việc san lấp của bà chưa được Nhà nước cho phép.

4/ Dự án này ảnh hưởng đến 7 hộ nhưng chỉ duy nhất mỗi hộ bà G khiếu nại.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện Ph phát biểu ý kiến như sau:

1/ Về thời hiệu khởi kiện:

Theo hồ sơ khiếu nại, thì bà G khiếu nại Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của UBND huyện Ph; nhưng không khiếu nại các Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 về việc thu hồi đất của bà G, Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 về việc điều chỉnh Quyết định số 3643a/QĐ-UBND và Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất. Theo Thông báo thụ lý vụ án số 02/2016/TB-TLVA của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, thì bà G khởi kiện vụ án hành chính vào ngày 25/4/2016 và đến ngày 11/11/2016 bà G mới khởi kiện bổ sung đối với các Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 về việc thu hồi đất, Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 và Quyết định số

2227/QĐ-UBND ngày 06/4/2015. Như vậy, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 116 thì thời hiệu khởi kiện đã hết;

2/ Về trình tự ban hành các quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi đất của bà G; về việc đảm bảo quyền lợi cho bà G khi thu hồi đất: Người đại theo ủy quyền của UBND huyện Ph có lời trình bày giống với người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Bản án sơ thẩm nhận định việc UBND huyện Ph có vi phạm về thời gian niêm yết đối với quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quyết định thu hồi đất để hủy các quyết định này là không có căn cứ. Bà G tự ý san lấp cát trên đất nông nghiệp khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền nên về nguyên tắc sẽ không được hỗ trợ. Tuy nhiên, UBND huyện đã vận dụng tất cả các quy định có lợi cho bà G. Do đó quyền lợi của bà G không bị xâm phạm. Mặt khác, bà G vừa khởi kiện quyết định hành chính tại Tòa án, vừa khiếu nại lên UBND tỉnh là không đúng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn cụ thể. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND huyện Ph và chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về kháng cáo của UBND huyện Ph, cho rằng thời hiệu khởi kiện của bà Phạm Thị G đối với các Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014, Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 và Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 đã hết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, xét thấy:

Ngày 25/4/2016, bà Phạm Thị G khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau đây của UBND huyện Ph:

- Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014, về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng quốc lộ 1 đạn C - Ph;

- Quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014, Về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng quốc lộ 1 đoạn C - Ph;

- Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 06/01/2015, Về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phạm Thị G;

- Và, Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, Về việc giải quyết khiếu nại lần thứ hai của bà Phạm Thị G.

Ngày 09/06/2016, bà G khởi kiện bổ sung Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện Ph, Về việc phê duyệt điều chỉnh một phần Quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014;

Ngày 19/9/2016, bà G tiếp tục khởi kiện bổ sung quyết định thu hồi đất số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 và Quyết định 2227/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 về cưỡng chế thu hồi đất.

Xét thấy, các quyết định mà bà G khởi kiện ban đầu, khởi kiện bổ sung là một chuỗi các quyết định liên tục, liên quan đến phương án bồi thường, điều chỉnh phương án bồi thường, thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất, giải quyết khiếu nại lần đầu, giải quyết khiếu nại lần thứ hai của UBND huyện Ph và Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang liên quan đến phần đất của bà Phạm Thị G. Do đó, bà G khởi kiện vụ án hành chính ngày 25/4/2016 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và UBND huyện Ph; về việc cho rằng: Dự án mở rộng quốc lộ 1 là công trình trọng điểm quốc gia, UBND tỉnh Hậu Giang, UBND huyện Ph thực hiện sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải tại các văn bản như Thông báo số 450/TB-VPCP ngày 13/12/2013, Thông báo số 115/TB-VPCP ngày 21/3/2014, Công văn số 4433/VPCP ngày 16/6/2014 của Văn phòng Chính phủ và Thông báo số 247/TB-BGTVT ngày 19/3/2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Mặc dù, trong quá trình ban hành các quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, thu hồi đất có sớm hơn so với quy định của pháp luật, nhưng đã đảm bảo quyền lợi của bà G, được các hộ trong diện bị điều chỉnh bởi các quyết định nêu trên thống nhất và phù hợp với các quy định của Luật Đất đai năm 2003.

Xét thấy, trong quá trình ban hành các quyết định về phương án bồi thường, điều chỉnh phương án bồi thường, thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất, giải quyết khiếu nại lần đầu, giải quyết khiếu nại lần thứ hai của UBND huyện Ph và Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, liên quan đến phần đất của bà Phạm Thị G là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 138 của Luật Đất đai năm 2003, Điều 40 của Nghị định 69/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Điều 63, Điều 64 của Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

Tuy nhiên, khi ban hành các quyết định nêu trên, UBND huyện Ph và UBND tỉnh Hậu Giang đã có những sai sót như sau:

Đối với Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014, Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Tại bút lục số 147 thể hiện, ngày 20/6/2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang lập Biên bản niêm yết công khai, lấy ý kiến về phương án bồi thường;

- Ngày 25/6/2014 thì ban hành Quyết định số 3677a/QĐ-UBND, Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Như vậy, thời gian từ ngày niêm yết phương án bồi thường đến ngày ban hành quyết định phê quyệt phương án bồi thường chỉ 05 ngày. Trong khi đó, tại điểm c khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/9/2009 của Chính phủ quy định thời gian niêm yết và tiếp nhận ý kiến đóng góp ít nhất là 20 kể từ ngày đưa ra niêm yết. Như vậy, Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 đã vi phạm văn bản pháp luật vừa viện dẫn.

Đối với Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014, về việc thu hồi đất của bà G:

- Ngày 22/5/2014, UBND huyện Ph ban hành Quyết định số 716/QĐ-UBND, Về việc quy hoạch đất và thu hồi đất để thực hiện dự án khu tái định cư;

- Ngày 20/6/2014 thì ban hành Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014, Về việc thu hồi đất của bà G;

Như vậy, từ ngày ban hành quyết định quy hoạch và thu hồi đất đến ngày ban hành quyết định thu hồi đất chỉ có 29 ngày. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật Đất đai năm 2003 thì thời hạn này ít nhất là 180 ngày. Như vậy, quyết định thu hồi đất đã vi phạm điều luật vừa viện dẫn.

Quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 chỉ là quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 và Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 chỉ là quyết định điều chỉnh một phần Quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014. Do đó, việc vi phạm về thời gian của Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014, đương nhiên sẽ kéo theo sự vi phạm của 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 và Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 24/11/2014.

Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014, có nội dung thu hồi đất của bà G; Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 có nội dung điều chỉnh Điều 1 của Quyết định 3643a/QĐ-UBND và Quyết định 2227/QĐ-UBND, nên khi Quyết định 3643a/QĐ-UBND có vi phạm về thời gian, đương nhiên kéo theo sự vi phạm của Quyết định số 2099/QĐ-UBND.

Quyết định 62/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của UBND huyện Ph có nội dung bác khiếu nại lần đầu của bà G; Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 06/4/2015, có nội dung cưỡng chế thu hồi đất của bà G và Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh Hậu Giang có nội dung bác khiếu nại lần hai của bà G. Như phần trên đã phân tích, các quyết định hành chính của UBND huyện Ph về việc phê duyệt bồi thường, bổ sung sung phê duyệt bồi thường, thu hồi đất, bổ sung thu hồi đất là một chuỗi các quyết định hành chính liên tục, có sai phạm. Nên các quyết định bác yêu cầu khiếu nại lần đầu, lần thứ hai, cũng như cưỡng chế thu hồi đất của bà G là không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Các Thông báo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ, của Bộ Giao thông Vận tải mà Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và UBND huyện Ph viện dẫn, không phải là căn cứ để ban hành các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Vì đó không phải là văn bản quy phạm pháp luật, được quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

[3] Về ý kiến của người bị kiện cho rằng, số tiền bồi thường cho bà G theo Luật Đất đai năm 2003 cao hơn theo Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, bà G vẫn yêu cầu được giải quyết theo Luật Đất đai năm 2013. Do đó, không thể buộc bà G chấp nhận phương án bồi thường theo Luật Đất đai năm 2003.

[4] Đối với các yêu cầu nâng giá đất, đúng với chứng thư thẩm định giá thị trường là 5.012.717.000 đồng và bồi thường tiền san lấp mặt bằng là 1.071.540.000 đồng; yêu cầu bố trí tái định cư và yêu cầu hỗ trợ sản xuất kinh doanh của bà G, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết, tách ra giải quyết sau khi Ủy ban ban hành các quyết định theo trình tự thủ tục phê duyệt phương án bồi thường và thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013 là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G, tuyên hủy các quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi đất của bà là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, UBND huyện Ph và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và UBND huyện Ph phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009.

Bác kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và UBND huyện Ph, tỉnh Hậu Giang. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/HCST ngày 09/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ vào các Điều 30, 31, 32, 115; 116, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 39 Luật Đất đai 2003;

Căn cứ vào Điều 43 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 07/12/2004 của Chính phủ;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 30, Điều 40 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 63, Điều 64 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G.

- Hủy một phần các quyết định sau đây:

Quyết định số 3677a/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của UBND huyện Ph, về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng quốc lộ 1 đoạn C - Ph;

Quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày 19/11/2014 của UBND huyện Ph, về phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để xây dựng công trình Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng quốc lộ 1 đoạn C - Ph, xã L1, huyện Ph, tỉnh Hậu Giang phần liên quan đến hộ bà Phạm Thị G.

- Hủy các quyết định sau đây:

Quyết định số 7475/QĐ-UBND ngày 24/12/2015 của UBND huyện Ph, về việc phê duyệt điều chỉnh một phần quyết định số 6669/QĐ-UBND ngày bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của Chủ tịch UBND huyện Ph, về việc giải quyết khiếu lần đầu của bà Phạm Thị G;

Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang, về việc giải quyết khiếu nại lần thứ hai của bà Phạm Thị G;

Quyết định số 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Ph, về việc thu hồi đất;

Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 01/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Ph, về việc điều chỉnh quyết định 3643a/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Ph;

Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Ph về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà G.

2/ Chưa xem xét các yêu cầu nâng giá đất, hỗ trợ tái định cư, san lấp cát, hỗ trợ sản xuất kinh doanh của bà Phạm Thị G, để giải quyết sau khi Ủy ban ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường và thu hồi đất theo trình tự thủ tục quy định của Luật đất đai năm 2013.

3/ Án phí hành chính sơ thẩm:

Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và UBND huyện Ph mỗi người phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị G 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 8143 ngày 06 tháng 05 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

4/ Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang và UBND huyện Ph mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 11516 ngày 15/3/2017 và 11517 ngày 27/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (1);
- Lưu VP(3), HS (2). 14b (Án38)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa